

## ĐỔI MỚI DẠY HỌC VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC THEO HƯỚNG TÍCH HỢP

NGUYỄN THỊ THU THỦY\*

### TÓM TẮT

*Bài viết đề cập vấn đề dạy học tích hợp (DHTH) liên môn trong dạy học văn học nước ngoài (VHNN) cho sinh viên (SV) ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH). Sự tích hợp giữa các phân môn Văn học Việt Nam – Lịch sử – Văn hóa – Lí luận văn học và Mỹ học; tích hợp giữa bài giảng ở trường đại học với chương trình ở trường tiểu học sẽ đem lại hiệu quả tốt cho SV ngành GDTH trong nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, đáp ứng xu thế dạy học và hội nhập văn hóa trong giai đoạn hiện nay.*

**Từ khóa:** văn học nước ngoài, giáo dục tiểu học, dạy học tích hợp.

### ABSTRACT

#### *Innovations in teaching foreign literature for students of primary education major through integration teaching*

*This article discusses the interdisciplinary integration in teaching foreign literature to students of primary education major. The integration between the subjects of Foreign Literature – History – Culture – Literature Theory and Aesthetics as well as the integration between lectures at universities with the syllabus in primary schools brings effective results for students of primary education major in terms of cognition, education and aesthetics to meet the trend of teaching and cultural integration nowadays.*

**Keywords:** foreign literature, primary education, integration teaching.

### 1. Đặt vấn đề

VHNN là môn học có vị trí hết sức đặc biệt đối với học sinh và sinh viên trong giai đoạn hội nhập văn hóa hiện nay. Trong kho tàng văn học đồ sộ đó, nhiều tác phẩm đã làm nên những dấu son rực rỡ trong nền văn hóa của nhân loại. Từ góc độ giảng viên (GV), chúng tôi tiếp nhận lí thuyết tích hợp - một thành quả của dạy học hiện đại - vào thực tiễn giảng dạy bộ môn này cho SV ngành GDTH như là một phương pháp, một điều kiện để nâng cao chất lượng dạy học và cũng để chuẩn bị cho SV một hành trang văn học trước khi bước vào nghề.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Vài nét về lí thuyết dạy học tích hợp các khoa học

Trước hết, phải nhận thấy rằng, dạy học là một khoa học và cũng là một nghệ thuật. Dạy học đại học lại càng cần có tính khoa học và tính nghệ thuật cao. Điều đó biểu hiện ở chỗ, dạy học đại học là *dạy nhận thức* (cognitive), *dạy kĩ năng* (psychomotor), *dạy cảm nhận* (affective). Tùy theo khoa học mà chọn chủ điểm hay trọng tâm về dạy nhận thức, dạy kĩ năng hoặc dạy cảm nhận cho phù hợp. Tính nghệ thuật của việc dạy học đại học thể hiện ở năng lực của GV làm sao cho khơi dậy được *tiềm năng tiếp thu, phát triển và sáng tạo của người học để nhận thức, để cảm nhận và để có kĩ năng cao*. Ngày

\* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

nay, với sự phát triển như vũ bão của của khoa học kỹ thuật và công nghệ, tri thức, những thông tin ngày càng nhiều, điều đó buộc GV phải biết dạy tích hợp các khoa học, dạy cho SV cách thu thập, chọn lọc, xử lý các thông tin, vận dụng các kiến thức học được vào các tình huống của đời sống thực tế. DHTH các khoa học được UNESCO định nghĩa là: “một cách trình bày các khái niệm và nguyên lý khoa học cho phép diễn đạt sự thống nhất cơ bản của tư tưởng khoa học, tránh nhấn quá mạnh hoặc quá sớm sự sai khác giữa các lĩnh vực khoa học khác nhau” (Hội nghị phối hợp trong chương trình của UNESCO, Paris 1972) [3, tr.241]. Lí thuyết tích hợp được ứng dụng vào giáo dục trở thành một quan điểm (một trào lưu tư tưởng) lí luận dạy học phổ biến trên thế giới hiện nay. Đầu thế kỉ XXI, hội thảo quốc tế “Kết nối hệ thống tri thức trong một thế giới học tập” (tháng 12-2000) đã hướng nội dung hội thảo vào vấn đề *những con đường và cách thức kết nối hệ thống tri thức hướng vào người học trong thời đại thông tin*. Và xu hướng tích hợp, còn gọi là xu hướng liên hội, đang được thực hiện trên nhiều bình diện, cấp độ trong quá trình phát triển năng lực người học. Hiện nay, lí thuyết tích hợp đã đưa ra ba loại cơ bản về cách tiếp cận tích hợp: *tích hợp đa môn, tích hợp liên môn, tích hợp xuyên môn*. Trong đó, tích hợp liên môn (interdisciplinary integration) được định nghĩa là giáo viên tổ chức chương trình học tập xoay quanh các nội dung học tập chung: các chủ đề, các khái niệm, các khái niệm và kĩ năng liên ngành/môn. Họ kết nối các nội dung

học tập nằm trong các môn học để nhấn mạnh các khái niệm và kĩ năng liên môn. Tích hợp liên môn còn được hiểu như là phương án, mà trong đó, nhiều môn học liên quan được kết lại thành một môn học mới với một hệ thống những chủ đề nhất định xuyên suốt [9]. Thời điểm này, không còn là lúc chúng ta đặt vấn đề DHTH các khoa học là cần hay không cần, nên hay không nên. Câu trả lời là khẳng định cần phải tích hợp các môn học, nhưng thực hiện DHTH như thế nào đó là vấn đề đáng quan tâm.

Dạy học VHNN cho SV ngành GDTH là môn học có đặc trưng riêng về kiến thức đi từ mở rộng đến thu hẹp, từ khái quát đến cụ thể, đến mức độ giới hạn kiến thức về các tác phẩm được dạy học trong chương trình tiểu học. Hiện nay, tủ sách của các trường đại học sư phạm chưa có một giáo trình chính thống nào về VHNN dành cho SV ngành GDTH. Nó chỉ được lắp ghép vào chương trình như là phần “vĩ thanh” mà thôi. Để tiện lợi cho việc đào tạo lâu dài và có lộ trình cụ thể, chúng tôi biên soạn chuyên đề *Văn học nước ngoài* cho SV Khoa GDTH và cùng với chương trình là hệ thống bài giảng của GV sao cho phù hợp với ngành học, cấp học của mình. Nếu chương trình của Khoa Ngữ văn, VHNN được học trải dài trong ba năm và học rất chi tiết cho từng nền văn học thì VHNN trong chương trình của Khoa GDTH chỉ gói gọn 30 tiết. Về mặt thời gian, chúng tôi phải sử dụng công nghệ “nén” đến mức tối đa và theo đó kiến thức cũng cô đọng lại ở mức độ cao nhất. Cho nên, *tích hợp liên môn* là một

phương pháp được sử dụng khá đặc trưng đối với bộ môn này.

## **2.2. Dạy học VHNN gắn chặt với lịch sử là điều kiện tiên quyết, tạo nên mối liên hệ ngang giữa văn học và lịch sử**

Phải thấy rằng, kiến thức VHNN nằm trong hệ thống đa chiều hết sức phức tạp. Nó bao gồm văn học châu Á, văn học Âu - Mỹ và văn học Nga - Xô-viết. Sự hiểu biết một cách toàn diện và sâu sắc thành tựu VHNN không phải là dễ dàng. Bức tranh văn học ở từng thời đại khác nhau sẽ nổi trội hơn ở một số quốc gia, và văn học sử của mỗi một dân tộc bao giờ cũng là bức tranh nhiều chiều. Lịch sử văn học của mỗi một dân tộc trước hết là một môn lịch sử. Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, văn học có cội nguồn là đời sống, là sự phản ánh của đời sống. Dạy học VHNN, chúng tôi chú ý đến sự phát triển của văn học theo mốc thời gian, theo từng chặng đường phát triển, tính kế thừa, tính cách tân của văn học... Chẳng hạn, khi khái quát nền văn học cổ - trung - đại Trung Quốc, GV cần phải phân tích và khai thác những luận điểm có tính chất khái quát như sau:

- Lực lượng tác giả của nền văn học đó hầu hết là các trí thức quan liêu, nghề nghiệp của họ là làm quan, số phận bị buộc chặt với vương quyền theo kỉ cương Nho giáo.

- Nền văn học này là một bộ phận của nền văn hóa nông nghiệp, chủ đề quán xuyên là vận mệnh của lương dân, chủ yếu là người nông dân.

- Một nền văn học là con đẻ của một đất nước vĩ đại mà đau khổ. Lịch sử triền miên những cuộc binh đao, khởi nghĩa và

bạo loạn, chiến tranh và nội chiến... Tất nhiên, đề tài chinh chiến binh đao phải được “ưu tiên” và đã tạo nên nhiều kiệt tác. Từ *Tam quốc chí*, *Thủy hử* cho đến các bộ sách “chương” thời nay, các tác phẩm viết về binh đao là “đặc sản” thể hiện tài nghệ của các văn gia Trung Quốc.

- Từ đời Đường, kinh tế đô thị bắt đầu phát triển, đưa tới ý thức hệ dân chủ “tiền tư bản”, nó là động lực hình thành và phát triển những thể loại văn học mới, đặc biệt là thể loại tiểu thuyết Minh Thanh sau này.

- Đây là một nền văn học lớn và phong phú, mang truyền thống yêu nước và nhân đạo sâu sắc, đồng thời tồn tại không ít những hạn chế của một xã hội phong kiến lâu đời.

Như vậy, ngay trong mỗi nhận định ấy đã bao hàm sự tích hợp, đó là chưa kể tới sự phân tích các mệnh đề ấy một cách thấu đáo. Nó đòi hỏi GV phải có sự hiểu biết sâu và rộng về lịch sử cũng như về văn học trong từng giai đoạn. Dạy *Tổng quan về văn học Trung Quốc*, GV phải dừng lại ở các sự kiện quan trọng, dự báo đó là cơ sở của sự xuất hiện các sự kiện văn học sau này. Cảm xúc giữa văn học và lịch sử phải lồng ghép và giao thoa với nhau thì giá trị phản ánh của văn học càng thể hiện rõ, hiệu quả của bài giảng càng sâu sắc.

## **2.3. Dạy học VHNN còn là sự tích hợp giữa văn học và văn hóa**

Nếu văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người tích lũy được trong quá trình lịch sử theo quy luật của cái đẹp thì văn học là một bộ

phận của văn hóa, nó chịu sự chi phối mang tính quyết định của văn hóa và tính đại diện cho văn hóa của văn học, tính tích cực trở lại của văn học đối với văn hóa. Vì vậy, khi nghiên cứu, giảng dạy nền văn học Hi Lạp cổ đại, GV là người dẫn dắt SV hiểu biết về một nền văn hóa phát triển rực rỡ và toàn diện. Đó là quê hương của những triết gia nổi tiếng đầu tiên của loài người, là nơi phát minh những ngành khoa học cơ bản. Người Hi Lạp cổ đại đã bộc lộ những tư duy sắc sảo về tự nhiên và xã hội. Kiểu văn hóa Mycenaean Greece (1900 – 1100 TCN) sẽ có kiểu văn học tương ứng là văn học Hi Lạp cổ đại. Tuy trình độ nhận thức còn rất ngây thơ nhưng họ đã bộc lộ sự nhận thức đúng đắn về sự phát triển của thế giới. Chẳng hạn, trong thần thoại Hi Lạp, sự phát triển đó theo quy luật: thế hệ sau bao giờ cũng tiến bộ hơn thế hệ trước. Ngay trong cùng một thế hệ thì người con út (Cronos, Zeus) là yếu tố trẻ nhất, nổi nhất sẽ lên ngôi chúa tể. Càng về sau thì ý nghĩa nhân sinh của các truyện càng rõ hơn, sâu hơn. Persephone phải làm vợ của Hades (thần cai quản địa ngục) vì rơi vào cái bẫy hoa. Có lẽ bắt đầu từ đó loài người đã hình thành triết lí: Hãy coi chừng những bông hoa đẹp, bởi vì nó có gai và có thể rất nguy hiểm! Chuyện Antée chỉ vô địch khi bám vào đất mẹ Gaea, chuyện gót chân Achilles là những bài học nhận thức lí thú. Văn học Hi Lạp in đậm dấu ấn của nền văn hóa mà nó chịu ảnh hưởng nên mang những lí tưởng thâm mỹ của thời đại dân chủ chủ nô Hi Lạp điển hình và độc đáo. Dù là thần thoại, trường ca, bi kịch hay hài kịch

thì con người với những vẻ đẹp về tinh thần và thể chất luôn luôn là đối tượng ngợi ca và khẳng định của văn học. Các thể loại văn học là sự hòa trộn giữa các thiên tài cá nhân với tài năng của một cộng đồng sáng tạo vĩ đại. Tất cả những đặc trưng ấy làm cho văn học Hi Lạp trở thành cái mốc đầu tiên trong tiến trình văn hóa, văn học của loài người. Đây là một nền văn học vĩ đại và chỉ có thể “nảy sinh ra trong những điều kiện của quan hệ xã hội ấy mà thôi, chứ vĩnh viễn không thể trở lại được nữa” [Marx – Lời nói đầu cuốn “*Phê phán kinh tế chính trị học*”]. Nếu văn hóa chính là một hệ thống được tạo thành bởi nhiều yếu tố khác nhau thì “Văn học là một bộ phận không thể tách rời của văn hóa. Không thể hiểu nó ngoài các mạch nguyên vẹn của toàn bộ văn hóa một thời đại trong đó nó tồn tại. Không được tách nó khỏi các bộ phận khác của văn hóa, cũng như không được, như người ta vẫn làm, là trực tiếp gắn nó với các nhân tố xã hội kinh tế, vượt qua đầu văn hóa. Những nhân tố xã hội kinh tế, tác động tới toàn bộ văn hóa nói chung, và chỉ thông qua văn hóa, cùng với văn hóa, mới tác động được tới văn học” [8, tr.81]. Đối với VHNN, tri thức văn chương được cung cấp một cách tổng hợp với các minh họa toàn diện, cụ thể, tiêu biểu về cả nội dung và nghệ thuật trong tính kế thừa và phát triển của văn hóa. Văn học thế giới được giới thiệu trong chương trình là các đỉnh điểm tiêu biểu cho văn hóa và quá trình văn học sử của các nước. Vì vậy, VHNN sẽ tạo nên một tri thức đồ sộ về lịch sử, xã hội, văn

hóa, văn học cho SV ngành văn học nói chung và ngành GDTH nói riêng.

#### **2.4. Dạy học Văn học Việt Nam trong xu hướng tích hợp với Lí luận văn học**

Thực hiện nguyên tắc này cũng chính là quán triệt dạy học VHNN mang tính hệ thống, tính liên môn. *Lí luận văn học* và *Mĩ học* là hai bộ môn khoa học vận dụng phương pháp triết học để xác định vị trí của văn học nghệ thuật trong đời sống. Mục đích của hai bộ môn này là nhằm xác lập quan niệm đúng đắn, khoa học về bản chất, đặc trưng giá trị của văn học và nghệ thuật, hiểu được quy luật chung của văn học nói riêng và nghệ thuật nói chung; nắm được các khái niệm về văn học, nghệ thuật, lấy đó làm công cụ để nghiên cứu văn học. Cho nên, *Lí luận văn học* là chìa khóa để GV phân tích các giai đoạn văn học của một nền văn học, đồng thời cũng là đích khái quát về mặt lí luận văn học của *Kiểu bài khái quát*. Ở đây, chúng tôi vận dụng quan điểm *Phản ánh luận với văn nghệ* của Marx – Lenin để tìm hiểu sâu đặc điểm của từng nền văn học. Trong cuốn *Hệ tư tưởng Đức*, Marx – Engels đã xác định rất rõ: “Nghệ thuật là một hình thái ý thức xã hội, cho nên cần phải tìm nguyên nhân đầu tiên – tạo nên tất cả sự biến đổi nghệ thuật – trong tồn tại của con người, trong cơ sở kinh tế của xã hội” [8, tr.72]. Cùng quan điểm này, Lenin cho rằng: “Quan hệ xã hội gồm những quan hệ vật chất và quan hệ tư tưởng. Quan hệ tư tưởng chỉ là một kiến trúc thượng tầng gây dựng trên quan hệ vật chất” [8, tr.72]. Áp dụng vấn đề này vào dạy học bài *Văn học Pháp thế kỉ XIX*, GV lí giải

nhận định *Bước ngoặt lớn về chính trị, xã hội Pháp sau cách mạng 1789* như sau: Xã hội Pháp thế kỉ XIX là xã hội đầy biến động và phức tạp. Giai cấp phong kiến đã sụp đổ nhưng rất nhiều tham vọng. Giai cấp tư sản phân bội lại quyền lợi của nhân dân, đặt lên một chính quyền cai trị khác tàn bạo không kém chính quyền cũ, chẳng khác nào như đặt vào nhân dân lao động một xiềng xích mới. Giai cấp vô sản chưa đủ mạnh để tự giải phóng mình. Các tầng lớp nhân dân vỡ mộng trước thực tế xã hội, khẩu hiệu “tự do, bình đẳng, bác ái” mà giai cấp tư sản đưa ra chỉ là hình thức trống rỗng để mị dân. Xã hội trên là cơ sở để hình thành nền văn học với nhiều trào lưu khác nhau: văn học hiện thực và văn học lãng mạn. *Lí luận văn học* cũng là công cụ để phân tích tác gia văn học. Xin dẫn bài giảng: *V. Hugo (1802 – 1855)* và tiểu thuyết *Những người khốn khổ* (tiểu thuyết này được trích giảng ở chương trình tiểu học với bài tập đọc: *Ga-vrốt ngoài chiến lũy* – TV4, tập 2). Là người nghiên cứu văn học, GV cần vận dụng *phương pháp nghiên cứu tác giả* để hiểu sâu hơn các tài năng văn học – người đã sáng tạo nên những tác phẩm văn chương. Những vấn đề chính cần phải tìm hiểu là: Quá trình hình thành một tài năng văn học, các chặng đường của một sự nghiệp văn học, sở trường và sở đoản của một tác giả, những đóng góp và vị trí của tác giả trong một thời đại, trong một nền văn học... Đối với V. Hugo, GV lưu ý đến nhận định bao quát nhất là: *V. Hugo là cây đại thụ của văn học lãng mạn Pháp thế kỉ XIX, sống và sáng tác*

*trong cả một thế kỉ đầy biến động. Ông trở thành hiện thân của chủ nghĩa lãng mạn, là tiếng vọng âm vang của thời đại.*

GV chỉ ra những nguyên nhân tạo nên tài năng văn học V. Hugo:

- Về gia đình: Thuở nhỏ, ông được nuôi dưỡng khá chu đáo, mẹ là người rất sùng đạo, rất quan tâm đến con cái. Ngay từ bé, ông được thả vào trong một thư viện lớn nên sớm hình thành lòng say mê văn học.

- Về bản thân: Từ nhỏ, V. Hugo đã tỏ ra là một thiên tài. Chateaubriand thường gọi ông là “cậu bé trác việt”. Mười tuổi đã sáng tác những câu thơ đầu tiên. Mười bốn tuổi đã viết một vở kịch. Mười bảy tuổi đạt giải “Bông huê vàng” trong cuộc thi thơ ở Tuluzơ.

- Về thời đại: Thời đại mà V. Hugo sống có nhiều biến động dữ dội, nhất là sự kiện khởi nghĩa năm 1830, nhân dân làm chủ Paris. Từ đấy, quan điểm sáng tác của ông hoàn toàn đổi mới, sự nghiệp sáng tác bước sang một giai đoạn quan trọng với nhiều tác phẩm nổi tiếng.

GV cũng cần khắc sâu các “mốc” lớn trong cuộc đời, ảnh hưởng nhiều đến sự nghiệp văn học của V. Hugo:

- Nổi đầu đầu tiên là bố mẹ chia tay nhau năm V. Hugo mười sáu tuổi. Mẹ yêu một người đàn ông có học thức, chống Napoleon và bị xử tử năm 1812. Tư tưởng của V. Hugo từ tấm bé chịu ảnh hưởng của nhiều người. Mẹ là người gần gũi với tư tưởng Ánh sáng, cha đẻ là người đầy cao thượng. Cha đỡ đầu là bố dượng cũng có ảnh hưởng lành mạnh đến V. Hugo – ông dạy cho cậu bé đọc sách La-tinh, truyền cho cậu bé lòng yêu tự do

cháy bỏng. Khát vọng này in đậm trong nhiều tác phẩm của V. Hugo.

- Nổi đầu thứ hai là mãi tới sau này với sự kiện con gái chết trôi ở sông Seine làm cho ông suy nghĩ nhiều và viết thành một tập thơ (con sông mà nhân vật Javert trong tiểu thuyết *Những người khốn khổ* đã tự tử).

- Nổi đầu thứ ba là con trai đau tim và chết.

- Nổi đầu thứ tư là đứa con cuối cùng cũng chết, ông chỉ sống với hai đứa cháu (cho nên, tác phẩm cuối cùng của V. Hugo là *Ông và cháu*).

- Cuối cùng là nổi đầu mà V. Hugo phải chịu mười chín năm tù, bằng số tù của Jean Valjean – nhân vật trung tâm, nhân vật chính của *Những người khốn khổ*, do ông phản đối hành động chống cách mạng tư sản của Napoleon, còn ông thì ủng hộ cách mạng tư sản.

Với mười chín năm tù đó, ông đã hoàn thành cuốn tiểu thuyết đồ sộ *Những người khốn khổ*. Bi kịch của V. Hugo là bi kịch của Jean Valjean trong màn cuối cuộc đời của tác phẩm (Cosette quên Jean Valjean và ông đã chết vì sự lãng quên đó). V. Hugo đã từng viết: “Chết chả sao nhưng sống không nổi mới là đau khổ” là cốt nghĩa cho điều đó. Phương châm xử thế của V. Hugo là: “Tôi đã cúi mình xuống tận đáy xã hội mà quan sát”. Tình cảm của ông là dành cho những người dân lao động.

Rõ ràng, sự tích hợp giữa *Lí luận văn học* và *VHNN* giúp chúng tôi tìm về cội nguồn thiên tài của nhà văn và gắn liền tác phẩm với ý đồ sáng tạo của tác

giả, tạo nên một sự hiểu biết sâu, rộng về tác phẩm.

### **2.5. Mĩ học là một bộ môn có mối quan hệ rất khăng khít với VHNN**

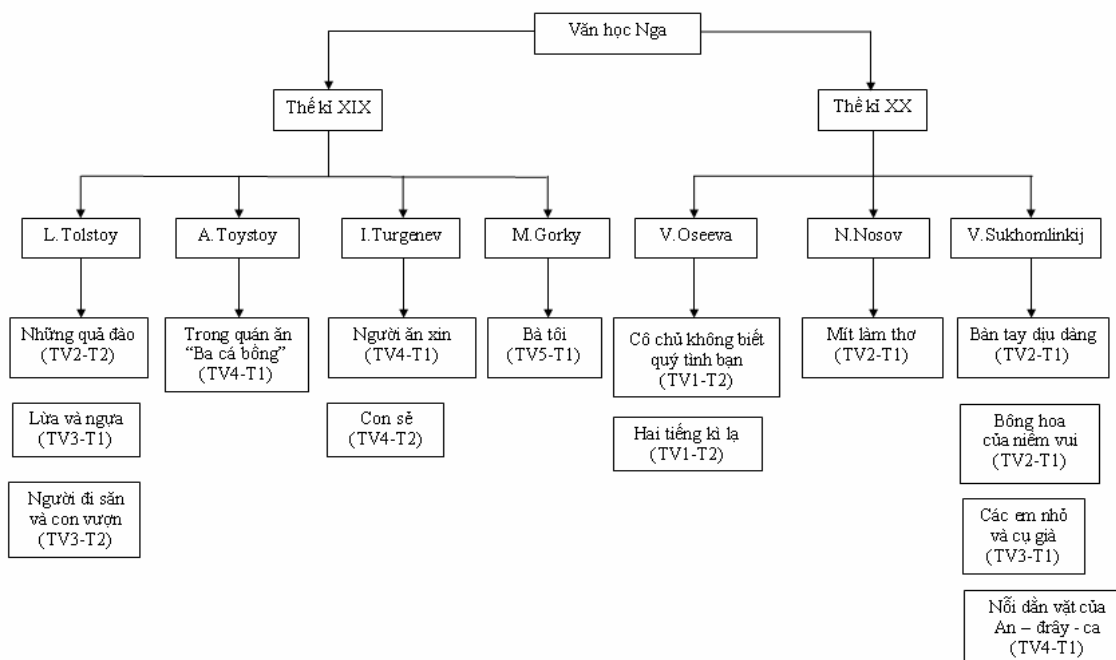
Thực ra, khung chương trình không cho phép SV ngành GDTH học môn *Mĩ học* như là một bộ môn độc lập. Cho nên, GV đã lồng ghép kiến thức *Mĩ học* vào bài giảng nhằm nâng cao khả năng cảm thụ văn học của SV.

*Mĩ học là khoa học nghiên cứu phương diện thẩm mĩ trong đời sống xã hội, nghiên cứu những đặc điểm và quy luật chung nhất của mối quan hệ thẩm mĩ của con người đối với hiện thực, đồng thời nghiên cứu những đặc điểm, những quy luật chung nhất của nghệ thuật – một hình thái biểu hiện một cách tập trung nhất mối quan hệ trên.* Văn học chính là một hình thái nghệ thuật thể hiện mối quan hệ đó. Là đỉnh cao của mối quan hệ thẩm mĩ giữa con người với hiện thực, văn học có mối quan hệ đặc biệt với cái đẹp, văn học là nơi mà những quy luật của cái đẹp được thể hiện một cách tập trung và điển hình nhất. Vì vậy, khi giới thiệu các tác phẩm VHNN, GV cần khai thác phương diện thẩm mĩ - một yếu tố đặc trưng của văn học. Ví dụ, đối với tác phẩm *Những người khốn khổ*, GV phải chỉ ra những nhân vật là hiện thân của cái đẹp như: Jean Valjean, Fantine, Gavroche. Những nhân vật này còn là hiện thân của bi kịch. Đó là xung đột giữa những lí tưởng xã hội cao đẹp, những khát vọng chính đáng của con người với khả năng thực tế, với hoàn cảnh cụ thể không thể thực hiện lí tưởng

và khát vọng đó. Trong cuộc chiến không cân bằng lực lượng và không thể thỏa hiệp này, lực lượng chính nghĩa phải chịu một kết cục bi thảm đó là cái chết. Đây là những bi kịch chân chính làm nên cái đẹp cho tác phẩm. Sự hiểu biết về các phạm trù mĩ học sẽ giúp GV khám phá được chiều sâu của tác phẩm văn học, vận dụng kiến thức này để hệ thống hóa bài giảng. Những cặp phạm trù đó được thể hiện qua sách giáo khoa *Tiếng Việt* tiểu học mà SV dễ dàng nhận ra: **cái cao cả:** *Người mẹ* (TV3), *Ga-vrốt ngoài chiến lũy* (TV4), *Con sẻ* (TV4); **cái đẹp:** *Chuỗi ngọc lam* (TV5), *Chim sơn ca và bông cúc trắng* (TV2), *Hai tiếng kìa lạ* (TV1)...; **cái bi:** *Một vụ đắm tàu* (TV5), *Người mẹ* (TV3)...; **cái hài:** *Rùa và Thỏ* (TV1), *Gà Trống và Cáo* (TV4)... Đó cũng là lí do để chúng tôi tích hợp bài giảng ở trường đại học với sự cảm thụ văn học ở trường tiểu học nhằm hình thành cho người học kĩ năng biết kết hợp và huy động các kiến thức nội lực với kĩ năng hành nghề nhằm đáp ứng mục tiêu của môn học.

### **2.6. Tích hợp giữa bài giảng ở trường đại học và cảm thụ văn học ở trường tiểu học**

Để tạo nên mối liên hệ bên trong môn học (MLH nội môn), GV có thể xâu chuỗi kiến thức văn học sử, kiến thức tác phẩm văn chương với văn bản được trích dẫn trong sách giáo khoa *Tiếng Việt* bậc tiểu học. Chúng tôi sơ đồ hóa mối quan hệ đó từ dẫn chứng về nền văn học Nga như sau:



Thực ra với thời lượng 30 tiết, GV phải sử dụng quỹ thời gian một cách hợp lí. Sự tích hợp bài giảng ở trường đại học với bài dạy ở trường tiểu học là sự tích hợp giữa kiến thức và kĩ năng được tiến hành bằng cách cho SV lồng ghép thuyết trình tác giả với tác phẩm của tác giả đó được đưa vào chương trình tiểu học. Ví dụ: Thuyết trình các tác giả J. Grimm và W. Grimm với *Truyện cổ Grimm* và truyện được dạy học ở tiểu học (*Cô bé trèo khăn đỏ* - TV1, tập 2), H. Andersen với truyện cổ của ông (*Chim sơn ca và bông cúc trắng* - TV2, tập 2, *Người mẹ* - TV3, tập 1), E. Amicis với *Những tấm lòng cao cả* (*Ai có lỗi* - TV3, tập 1, *Buổi học thể dục* - TV3, tập 2, *Một vụ đắm tàu* - TV5, tập 2). Ở những tiết học này, SV sẽ hoạt động theo nhóm, mỗi em trình bày một phần trong cuộc đời và sự nghiệp văn học của các tác gia nổi bật.

Đây là công đoạn có khả năng lồng ghép kĩ năng tin học vào môn học có hiệu quả. SV cũng tiến hành bình giảng và tập giảng những văn bản văn chương có trong chương trình tiểu học. Nhiều nhóm đã dàn dựng công phu những bài tập đọc ở tiểu học thành những vở kịch rồi trình diễn ngay tại lớp. Quả là một công việc đầy thú vị. Thực tế đã chứng minh rằng, *Chuyên đề VHNN* đã tạo nên mối liên hệ sâu sắc giữa kiến thức đại học với kiến thức tiểu học, giữa lí thuyết với thực hành, tạo điều kiện hình thành năng lực nghề cho người học.

### 3. Kết luận

Tóm lại, với sự hòa nhập, kết hợp các môn học có liên quan với nhau, tích hợp các phương diện kiến thức và kĩ năng trong *Chuyên đề VHNN* dành cho SV ngành GDTH, chúng tôi đã tạo nên một phương pháp dạy - học tích hợp ở



trường đại học sư phạm. Vì vậy, chuyên đề này sẽ giúp SV có điều kiện để phát triển những kỹ năng liên môn và nội môn, tạo tiền đề cho việc dạy học VHNN ở trường tiểu học một cách vững vàng hơn.

Trong sự chuyển đổi chương trình từ niên chế sang tín chỉ, đổi mới phương pháp dạy học, quan điểm DHTH đã và sẽ tạo nên một văn hóa dạy học mới, có ý nghĩa thực tiễn lớn lao.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân (2009), *Mĩ học đại cương*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Đặng Anh Đào, Hoàng Nhân, Lương Duy Trung, Nguyễn Đức Nam, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Văn Chính, Phùng Văn Tửu (1997), *Văn học phương Tây*, Nxb Giáo dục.
3. Trần Bá Hoàn (2007), *Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa*, Nxb Đại học Sư phạm.
4. Nguyễn Tường Lân (chủ biên), Dương Thanh Kỳ, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Trung Hiếu, Hoàng Mạnh Hùng, Từ Đức Trịnh (1994), *Giáo trình văn học nước ngoài*, (3 tập), Nhà in báo Nghệ An.
5. Phan Trọng Luận (2004), *Phương pháp dạy học văn*, tập 2, Nxb Đại học Sư phạm.
6. Phương Lưu, Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam, Lê Ngọc Trà, La Khắc Hòa, Thành Thế Thái Bình (2004), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục.
7. Trần Đức Minh (1999), “Vận dụng quan điểm liên môn – một yếu tố nâng cao tính tích cực học tập của học sinh”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, (4), tr.12 -13.
8. Đỗ Thị Minh Thúy (1996), *Mối quan hệ giữa văn hóa và văn học*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học KHXH &NV Hà Nội.
9. Hoàng Thị Tuyết (2012), *Lí luận dạy học tiếng Việt ở tiểu học* (phần 1), Nxb Thời đại.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 04-01-2013; ngày phản biện đánh giá: 04-3-2013;  
ngày chấp nhận đăng: 10-4-2013)